

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2021

“V/v ly hôn giữa ông T và bà T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.

2. Bà Trần Ánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và bà T tổ chức đám cưới vào năm 1984, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, không tôn trọng nhau, thường xuyên xúc phạm nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Có 04 con chung, Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1986; Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm: 1991; Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1995. Các con đã trưởng thành, đã có cuộc sống tự lập.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Bà T là bị đơn hiện đang cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Bị đơn bà Nguyễn Thị T được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo trình bày của ông Nguyễn Văn T thì quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tôn trọng nhau, thường xuyên xúc phạm nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T. Đối với bà T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bà T tham gia giải quyết vụ án để vợ chồng có điều kiện hòa giải và hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà T không tham gia cũng như không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này thể hiện bà T không có thiện chí hàn gắn. Do đó, ông T yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 04 con chung. Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1986; Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm: 1991; Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1995. Theo ông T trình bày các con đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009411 ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông T đã nộp đủ.

[3] Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc